

ĐỀ ÁN

**Ngăn chặn nạn săn bắt, buôn bán, tiêu thụ động vật hoang dã trái pháp luật
trên địa bàn huyện Nam Đông, giai đoạn 2023 - 2030**

PHẦN THỨ NHẤT MỞ ĐẦU

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Nam Đông là huyện miền núi của tỉnh Thừa Thiên Huế, có diện tích tự nhiên 64.782,15 ha, diện tích đất có rừng 53.924,16 ha, trong đó diện tích rừng tự nhiên là 47.848,95 ha. Trên địa bàn huyện có 03 đơn vị chủ rừng Nhà nước là Vườn quốc gia Bạch Mã, Ban quản lý Khu bảo tồn Sao La và Ban Quản lý rừng phòng hộ Nam Đông. Rừng tự nhiên ở Nam Đông có tính đa dạng sinh học cao, nơi đây trú ngụ của nhiều loài động vật hoang dã (ĐVHD) quan trọng và quý hiếm, trong đó có một số loài đặc hữu quý hiếm có trong sách đỏ của Việt Nam, nhiều loài động vật quý hiếm tương như đã tuyệt chủng; Trong đó có loài đặc hữu như: Sao la (*Pseudoryx nghetinhensis*), Mang lớn (*Megamuntiacus vuquangensis*), Mang Trường Sơn (*Muntiacus truongsonensis*), Gà Lôi lam mào trắng (*Lophura edwardsi*), Vượn má hung Trung bộ (*Nomascus annamensis*), Voọc chà vá chân nâu (*Pygathrix nemaeus*), Trĩ sao (*Rheinardia ocellata*), Sơn Dương (*Capricornis milneedwardsii*)...

Trong thời gian qua, cơ quan chức năng đã có nhiều giải pháp để ngăn chặn tình trạng săn, bắt, giết mổ, vận chuyển, kinh doanh, tiêu thụ bất hợp pháp các loài động vật hoang dã. Tuy nhiên, các hành vi này còn diễn biến phức tạp ở một số địa phương trên địa bàn huyện, làm tăng nguy cơ tuyệt chủng của nhiều loài quý hiếm trong môi trường tự nhiên, gây mất cân bằng hệ sinh thái và sức khỏe con người. Bên cạnh đó, nhận thức của một bộ phận người dân và kể cả cán bộ trong công tác bảo vệ các loài ĐVHD còn hạn chế, xem một số thịt thú rừng là các bài thuốc, ăn thịt thú rừng để may mắn, được tiếp đãi thịt thú rừng là thượng khách; việc săn, bắt, bẫy, sử dụng động vật hoang dã trên địa bàn huyện còn phổ biến. Vì vậy, xây dựng Đề án ngăn chặn nạn săn bắt, buôn bán, tiêu thụ động vật hoang dã trái pháp luật trên địa bàn huyện Nam Đông rất quan trọng và cần thiết.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Luật Đa dạng sinh học ngày 13 tháng 11 năm 2008;
- Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp

- Hướng dẫn số 13-HD/BTGTW ngày 19 tháng 7 năm 2021 của Ban tuyên giáo Trung Ương; Hướng dẫn số 28-HD/BTGTU ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Ban tuyên giáo Tỉnh ủy về việc “Tăng cường tuyên truyền việc thực hiện không săn, bắt, mua, bán, vận chuyển, giết mổ, tiêu thụ, tàng trữ, quảng cáo, xâm hại động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý hiếm.

- Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách quản lý động vật hoang dã;

- Nghị định 160/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ;

- Nghị định 64/2019/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi Điều 7, Nghị định 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ

- Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp;

- Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 1 năm 2019 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về Buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp;

- Kế hoạch 459/KH-UBND ngày 13/12/2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế hành động về bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2032, tầm nhìn đến năm 2050;

- Kế hoạch 159/KH-UBND ngày 26/4/2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về thực hiện Quyết định số 1623/QĐ-TTg ngày 27/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án “ Tăng cường phòng, chống tội phạm về đa dạng sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050”.

III. KHÁI NIỆM VỀ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

(Theo Nghị định 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 06/2019/NĐ-CP):

Động vật hoang dã là những loài động vật sinh sống, phát triển trong sinh cảnh tự nhiên, nhân tạo, hoặc loài động vật được nuôi trong môi trường có kiểm soát nhưng không phải là vật nuôi theo quy định của pháp luật về chăn nuôi, **thuộc một trong các trường hợp sau:**

1. Loài động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ;
2. Loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm;
3. Loài động vật hoang dã nguy cấp thuộc các phụ lục của CITES;

4. Loài động vật rừng thông thường;
5. Loài động vật trên cạn khác thuộc lớp chim, thú, bò sát, lưỡng cư, *trừ một số loài* thuộc danh mục do Bộ Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan công bố.

PHẦN THỨ HAI

THỰC TRẠNG NGĂN CHẶN SĂN, BẮT, BÃY, MUA BÁN, TIÊU THỤ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

I. Thực trạng ngăn chặn tình trạng săn, bắt, bẫy, mua bán, tiêu thụ động vật hoang dã trên địa bàn huyện

1. Công tác tuyên truyền

Thời gian qua, UBND huyện Nam Đông đã ban hành nhiều văn bản để tuyên truyền, chỉ đạo về quản lý ĐVHD, cụ thể: Công văn số 667/UBND-KL ngày 17/11/2016 về việc tăng cường giải pháp cấp bách phòng ngừa, đấu tranh với hành vi xâm hại các loài ĐVHD trái phép; Công văn số 1571/UBND-HKL ngày 16/12/2020 về việc tăng cường công tác bảo vệ, bảo tồn các loài chim trời; Công văn số 664/UBND-HKL ngày 20/05/2022 về việc tăng cường tuyên truyền, kiểm tra, xử lý vi phạm qui định về bảo vệ động vật hoang dã.

Từ năm 2017 - 2022, Hạt kiểm lâm Nam Đông đã phối hợp với các đơn vị chủ rừng, chính quyền địa phương, Phòng Giáo dục - Đào tạo, lãnh đạo các trường, Huyện đoàn, các Dự án đã tổ chức 37 đợt tuyên truyền, quán triệt công tác quản lý bảo vệ rừng, bảo tồn thiên nhiên cho các cộng đồng dân cư và các em học sinh; tổ chức 03 cuộc thi vẽ tranh, thi tìm hiểu và nhận biết ĐVHD; 40 đợt sinh hoạt câu lạc bộ Kiểm lâm tí hon; tổ chức 02 đêm văn nghệ; ký cam kết về bảo vệ động vật hoang dã đối với 58 người dân, các chủ trại nuôi, các nhà hàng, quán ăn về không săn, bắt, mua, bán, vận chuyển, giết mổ, tiêu thụ, tàng trữ ĐVHD; tổ chức 01 cuộc hội nghị, 6 cuộc triển lãm; đóng các bản Pano, áp phích tại các điểm cộng đồng và nhà sinh hoạt cộng đồng và xây dựng 01 phóng sự tuyên truyền về quản lý ĐVHD.

Tuy nhiên, còn một bộ phận người dân và cán bộ, đảng viên nhận thức về công tác bảo tồn động vật hoang dã còn hạn chế, nhất là việc “*Nói không với thịt thú rừng*”; công tác tuyên truyền về bảo tồn động vật hoang dã mới được cơ quan chuyên ngành thực hiện, còn một số chính quyền địa phương chưa chú trọng; sự hiểu biết của người dân về các loài động vật hoang dã còn hạn chế, nhất là các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm, còn tình trạng người dân sử dụng như thói quen đời sống hàng ngày.

2. Xử lý vi phạm hành chính, xử lý hình sự đối với hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã; công tác tuần tra, truy quét, tháo dỡ bẫy

Cùng với việc tuyên truyền việc chấp hành pháp luật lâm nghiệp cho người dân, công tác đấu tranh phòng chống các hành vi vi phạm pháp luật lâm nghiệp là một trong những nhiệm vụ vừa mang tính răn đe, vừa giáo dục, ngăn ngừa các hành vi vi phạm. Trong giai đoạn 2017– 2022, Hạt Kiểm lâm huyện Nam Đông, các đơn vị chủ rừng đã phối hợp với các cơ quan liên quan phát hiện và xử lý 08 vụ vi phạm về bảo vệ động vật rừng, cụ thể:

- Xử phạt vi phạm hành chính: Xử phạt 05 vụ; phạt tiền 18,5 triệu đồng; tang vật tịch thu xử lý gồm 02 con heo rừng, 04 kg thịt động vật rừng; thả vào rừng 01 con Tê Tê Java.

- Xử lý hình sự: Khởi tố hình sự 03 vụ, với 12 bị can; tổng mức án 30 năm, 6 tháng tù; tang vật vi phạm gồm 11 cá thể động vật rừng đã chết gồm: 07 Voọc Chà vá chân nâu, 01 Cây vòi hương, 02 Sóc bay và 01 Sơn dương.

Công tác tuần tra, tháo dỡ bẫy động vật hoang dã: Hiện nay trên địa bàn huyện còn nhiều đối tượng săn bắt động vật hoang dã trái pháp luật. Tình trạng bẫy bắt bằng dây phanh rất phổ biến. Các đơn vị như Vườn quốc gia Bạch Mã, BQL Khu bảo tồn Sao La thường xuyên tổ chức truy quét tháo dỡ bẫy, một lượng lớn dây bẫy đã được tháo dỡ, tuy nhiên mức độ bẫy bắt bằng dây phanh vẫn còn cao dù đã nỗ lực tuần tra liên tục.

Bên cạnh đó, đối tượng săn bắn, bẫy bắt, vận chuyển tinh vi, chuyên nghiệp: dùng súng tự chế, thu giấu theo bộ phận rời ở trong rừng; hoạt động săn bắn vào ban đêm; việc đặt bẫy hoặc làm lán trại không để lại dấu vết; các nhà hàng, quán ăn thường chia nhỏ, thu dấu nên rất khó phát hiện.

3. Công tác cứu hộ, tái thả các loài động vật hoang dã vào môi trường tự nhiên

Nhằm bảo tồn các loài động vật hoang dã, công tác cứu hộ và tái thả vào môi trường tự nhiên luôn được quan tâm và thực hiện tốt trong những năm qua. Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo Hạt Kiểm lâm huyện Nam Đông, Vườn quốc gia Bạch Mã đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan tiến hành nhiều đợt tái thả động vật hoang dã về môi trường sống tự nhiên. Thông qua các hoạt động tuyên truyền, nhiều người dân đã tự nguyện giao nộp các loài động vật rừng cho Hạt Kiểm lâm để thả vào môi trường tự nhiên, trong đó có nhiều loài thuộc danh mục động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm ưu tiên bảo vệ. Từ năm 2017 đến nay đã cứu hộ, tổ chức 9 đợt thả động vật rừng vào môi trường sống tự nhiên cho 16 cá thể. Trong đó: 01 Khỉ mặt đỏ, 01 Khỉ đuôi lợn, 02 rùa hộp trán vàng Miền trung, 01 rùa Sa nhân, 04 Voọc chà vá chân nâu, 02 Ba ba hoa, 03 kỳ nhông xanh và 02 Tê tê Java.

Hiện nay, việc tập huấn kỹ thuật, đầu tư trang thiết bị, dụng cụ cho công tác cứu hộ còn rất hạn chế. Bên cạnh đó, chưa có chính sách biểu dương, khen thưởng kịp thời cho các cá nhân tự nguyện giao nộp động vật hoang dã; không có nguồn kinh phí để hỗ trợ cho việc giao nộp.

II. Đánh giá chung

Công tác tuyên truyền, cứu hộ, đấu tranh, xử lý các hành vi vi phạm trong lĩnh vực lâm nghiệp, đã hạn chế được tình trạng săn, bắt, bẫy, mua, bán, sử dụng, tiêu thụ động vật hoang dã trên địa bàn huyện Nam Đông. Tuy nhiên, còn một bộ phận người dân và cán bộ, đảng viên nhận thức về bảo tồn động vật hoang dã, nhất là việc “*Nói không với thịt thú rừng*” còn hạn chế. Đồng thời, công tác tuyên truyền về bảo tồn động vật hoang dã mới được cơ quan chuyên ngành thực hiện, còn một số chính quyền địa phương chưa chú trọng.

Việc ngăn chặn, hạn chế, đẩy lùi, tiến tới chấm dứt tệ nạn săn, bắt, bẫy, mua, bán, sử dụng, tiêu thụ động vật hoang dã trên địa bàn huyện Nam Đông là một trong những nội dung quan trọng và cần thiết, góp phần vào việc hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

1. Thuận lợi

Công tác quản lý, bảo vệ rừng, bảo tồn thiên nhiên trên địa bàn huyện luôn nhận được sự quan tâm, lãnh chỉ đạo Tỉnh ủy, UBND tỉnh; sự phối hợp tốt giữa các cấp, các ngành và chính quyền địa phương trong công tác tuyên truyền, truy quét, điều tra, xử lý.

Nhận thức của người dân trong việc bảo tồn các loài động vật hoang dã, các loài chim trời ngày càng được nâng cao, thể hiện trong việc giao nộp các loài động vật hoang dã để tái thả vào môi trường tự nhiên ngày càng nhiều.

Sự hỗ trợ, giúp đỡ của các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức quốc tế trong việc ngăn chặn các hành vi săn, bắt, bẫy, kinh doanh, tiêu thụ động vật hoang dã như: WWF, Sida, USAID...

2. Khó khăn, hạn chế

Các khu vực săn, bắt, bẫy động vật hoang dã nằm sâu trong rừng tự nhiên. Vì vậy, gây khó khăn cho công tác nắm bắt thông tin và tuần tra, tháo dỡ bẫy.

Các phương tiện, dụng cụ săn bắt có tính sát thương rất cao như các loại súng tự chế, gây thương tích lớn cho các loài hoang dã và gây nguy hiểm cho các cơ quan chức năng trong đấu tranh, ngăn chặn.

Một bộ phận người dân chưa nhận thức được tầm quan trọng trong việc bảo vệ các loài ĐVHD; chưa thấy được các nguy cơ lây lan dịch bệnh từ việc sử dụng thịt thú rừng và nuôi nhốt ĐVHD.

Giá trị thương mại của các loài ĐVHD rất cao, vì vậy các đối tượng tăng cường săn bắt để tăng thu nhập. Hoạt động buôn bán động vật hoang dã tinh vi, khó phát hiện.

Công tác giám định các mẫu thịt ĐVHD còn gặp nhiều khó khăn, đòi hỏi phải có kinh phí nên rất khó thực hiện trong các vụ xử lý hành chính.

3. Nguyên nhân của hạn chế

3.1. Nguyên nhân khách quan

Diện tích rừng trên địa bàn huyện rất lớn 53.924,16 ha, lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng và lực lượng Kiểm lâm còn mỏng.

Biến đổi khí hậu, lũ lụt, hạn hán, môi trường sống thay đổi làm cho một số loài ĐVHD suy giảm số lượng.

Cơ sở, trang thiết bị đầu tư cho công tác bảo tồn, cứu hộ động vật hoang dã chưa được chú trọng.

Thị trường tiêu thụ động vật hoang dã rất lớn, giá thị trường các loài thịt thú rừng luôn ở mức cao. Các nhà hàng, quán ăn thường chia nhỏ, thu đầu nên khó phát hiện, bắt giữ.

Đời sống người dân trên địa bàn huyện còn gặp nhiều khó khăn, một bộ phận sống chủ yếu dựa vào rừng, và thói quen tập tục chưa thể thay đổi ngay được.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

Nhận thức của một bộ phận người dân và kể cả cán bộ, đảng viên trong công tác bảo vệ các loài ĐVHD còn hạn chế, xem một số thịt thú rừng là các bài thuốc, ăn thịt thú rừng để may mắn, là thượng khách.

Kinh phí đầu tư vào việc bảo vệ các loài động vật hoang dã còn rất hạn chế như: kinh phí tuần tra, tháo dỡ bẫy; công tác cứu hộ; trang thiết bị, nơi nuôi nhốt tạm thời các loài động vật được cứu hộ...

Kiến thức chuyên môn về giám định loài, mẫu vật của cán bộ thực thi pháp luật còn hạn chế, chưa được tập huấn, đào tạo thường xuyên.

Việc buôn bán các loại dây bẫy không được kiểm soát, bẫy dây phanh rất dễ làm và giá thành thấp. Vì vậy, khi tháo dỡ bẫy chỉ hạn chế được việc săn bắt, ít ảnh hưởng đến kinh tế của người đặt bẫy.

Sự vào cuộc của một số chính quyền địa phương cấp xã trong việc ngăn chặn tình trạng săn, bắt, bẫy, kinh doanh tiêu thụ động vật hoang dã còn nhiều hạn chế.

PHẦN THỨ BA

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, KINH PHÍ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐẾN NĂM 2030

I. Quan điểm chỉ đạo

Xác định việc bảo tồn đa dạng sinh học là một trong những nhiệm vụ quan trọng, phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn huyện và kế hoạch bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh.

Đẩy mạnh ngăn chặn, hạn chế, đẩy lùi, tiến tới chấm dứt tệ nạn săn, bắt, bẫy, mua, bán, sử dụng, tiêu thụ động vật hoang dã trên địa bàn huyện.

Huy động nguồn lực, kinh nghiệm các tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư vào công tác bảo tồn đa dạng sinh học nói chung và bảo tồn ĐVHD nói riêng.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước đi đôi với nâng cao nhận thức của người dân trên địa bàn huyện trong việc bảo vệ động vật hoang dã; xử lý nghiêm các hành vi săn, bắt, bẫy, mua, bán, sử dụng, tiêu thụ động vật hoang dã trái pháp luật.

II. Mục tiêu

1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao nhận thức của người dân và cán bộ trong hệ thống chính trị từ cấp thôn đến huyện, nhằm thay đổi thói quen tập quán hành vi buôn bán, tiêu thụ, săn bắt, bẫy và sử dụng động vật hoang dã trái pháp luật. Trước mắt, ngăn chặn, đẩy lùi, hạn chế và tiến tới chấm dứt các hành vi vi phạm nêu trên; vận động người dân tích cực tham gia bảo vệ ĐVHD, góp phần bảo tồn đa dạng sinh học.

2. Mục tiêu cụ thể

- 100 % cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị từ cấp huyện đến cơ sở và quần chúng nhân dân không sử dụng thịt, các sản phẩm có nguồn gốc từ động vật hoang dã.

- 100 % các lễ hội, chợ phiên, hội chợ thương mại trên địa bàn huyện không sử dụng, buôn bán thịt và các sản phẩm động vật hoang dã.

- 100 % các nhà sinh hoạt cộng đồng trên địa bàn huyện có các khẩu hiệu tuyên truyền trực quan sinh động về bảo vệ động vật hoang dã.

- 100 % các chủ nhà hàng, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống không buôn bán, sử dụng động vật hoang dã; nắm được danh mục các loài động vật hoang dã bị cấm buôn bán, sử dụng.

- Chuyển đổi căn bản nhận thức của người dân và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong hệ thống chính trị từ cấp huyện đến cơ sở, trong ngăn chặn, đẩy lùi và chấm dứt nạn săn bắt, buôn bán, sử dụng động vật hoang dã trái phép.

- Thay đổi nhận thức và thói quen tập quán không còn sử dụng thịt thú rừng và các sản phẩm thú rừng trong bữa ăn, tiệc tùng... của các gia đình; không còn xem thịt thú rừng là các bài thuốc đặc trị bệnh.

III. Giải pháp

1. Cơ chế, chính sách

Sử dụng hiệu quả kinh phí chi trả dịch vụ môi trường rừng và các nguồn kinh phí từ các Chương trình mục tiêu quốc gia trong công tác quản lý, bảo vệ rừng.

Tiếp tục thực hiện Quyết định 62/2019/QĐ-UBND ngày 07/10/2019 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành Quy chế quản lý rừng cộng đồng

trên địa bàn tỉnh, đảm bảo việc thực hiện trên địa bàn huyện một cách đồng bộ, hiệu quả. Tranh thủ các nguồn lực, các chương trình dự án hỗ trợ để thực hiện.

Xây dựng mô hình chuyển đổi nghề các trường hợp nuôi nhốt hoặc săn bắt ĐVHD do thiếu quỹ đất sản xuất, thiếu việc làm, thông qua các lớp học nghề. Vận động các Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Đông, Ban quản lý khu bảo tồn Sao La, Vườn quốc gia Bạch Mã, hợp đồng lao động quản lý, bảo vệ rừng.

Đẩy mạnh các chương trình, chính sách, dự án hỗ trợ đầu tư trồng rừng, trồng rừng gỗ lớn, phát triển các mô hình trang trại, hỗ trợ sinh kế cho bà con sinh sống gần rừng, phụ thuộc vào rừng. Từ đó tăng năng suất cây trồng, vật nuôi, phát triển kinh tế gia đình, giảm áp lực tác động vào rừng tự nhiên.

2. Công tác tuyên truyền và tập huấn cho tập huấn viên

Đổi mới các hình thức tuyên truyền, nội dung truyền thông phải thực tế, trực quan, sinh động, phù hợp với từng đối tượng, thu hút sự tham gia của người dân tại địa phương. Phối hợp với các chương trình, dự án lồng ghép để tuyên truyền.

Triển khai phát tờ rơi, dán các Pano tại các khu vực chợ, nhà hàng, nhà sinh hoạt cộng đồng trên địa bàn huyện. Tiến hành ký cam kết không săn bắt, kinh doanh, buôn bán, quảng cáo ĐVHD trái phép đối với các hộ dân liên quan và tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống. Mỗi một nhà sinh hoạt cộng đồng đều có khẩu hiệu tạo trực quan sinh động như “ ***Cộng đồng dân cư thôn nói không với việc sử dụng động vật hoang dã***”

Tăng cường công tác vận động tuyên truyền về bảo vệ ĐVHD cho các thành viên thông qua các cuộc họp thôn, các lớp tập huấn... theo phương pháp “***cộng đồng nói với cộng đồng***” bằng việc đào tạo các già làng, người có uy tín, cán bộ, đảng viên trở thành những tuyên truyền viên.

Trung tâm Văn hóa-Thông tin và Thể thao huyện thực hiện chuyên mục hàng quý với tiêu đề: ***Các cộng đồng dân cư trên địa bàn huyện Nam Đông “nói không với sử dụng thịt và sản phẩm động vật hoang dã”***.

Thực hiện tuyên truyền giáo dục pháp luật; tổ chức các cuộc thi tìm hiểu bảo vệ rừng, ĐVHD tại các điểm trường trên địa bàn huyện; thành lập các đội Kiểm lâm viên nhí tại các trường Tiểu học và Trung học cơ sở.

3. Cán bộ trong hệ thống chính trị gương mẫu thực hiện

Toàn bộ cán bộ trong hệ thống chính trị từ cấp thôn đến huyện phải gương mẫu thực hiện “***nói không với sử dụng thịt và sản phẩm của động vật hoang dã***”. Tích cực tuyên truyền về ĐVHD cho quần chúng nhân dân.

- Xây dựng các điển hình, nhân tố mới trong việc bảo vệ động vật hoang dã; kịp thời động viên, khuyến khích các cơ quan, tập thể, cá nhân có hành vi tích cực như: tố giác các hành vi vi phạm qui định về bảo vệ động vật hoang dã, giao nộp động vật hoang dã cho cơ quan Kiểm lâm cứu hộ và thả vào rừng.

- Xây dựng kế hoạch biểu dương khen thưởng hàng năm và đột xuất các tập thể, cộng đồng và các cá nhân thực hiện tốt việc “nói không với thịt và sản phẩm động vật hoang dã”.

4. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra về tình trạng săn, bắt, bẫy buôn bán, tiêu thụ và sử dụng ĐVHD trái pháp luật

Triển khai thực hiện Quy chế phối hợp đã ký kết giữa Hạt Kiểm lâm huyện Nam Đông và các đơn vị chủ rừng trong công tác quản lý, bảo vệ rừng, bảo vệ ĐVHD, tổ chức sơ kết, họp rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện.

Tăng cường công tác tuần tra rừng, tháo dỡ bẫy ĐVHD theo kế hoạch và đột xuất, đặc biệt là các điểm nóng về săn, bắt, bẫy động vật rừng. Phối hợp các cơ quan liên quan xử lý nghiêm theo qui định các trường hợp vi phạm về buôn bán, tiêu thụ, săn bắt, bẫy, quảng cáo và sử dụng động vật hoang dã trái pháp luật.

Có kế hoạch kiểm tra thường kỳ và đột xuất các nhà hàng, quán ăn bảo đảm tuyệt đối không được mua bán và sử dụng thịt, sản phẩm động vật hoang dã.

5. Coi trọng biểu dương người tốt, việc tốt gắn với khen thưởng động viên

Xây dựng các điển hình, nhân tố mới trong việc bảo vệ động vật hoang dã; kịp thời động viên, khuyến khích các cá nhân có hành vi tích cực như giao nộp động vật hoang dã cho cơ quan Kiểm lâm cứu hộ và tái thả vào rừng.

Có kế hoạch biểu dương khen thưởng hàng năm và đột xuất các tập thể, cộng đồng và cá nhân thực hiện tốt việc “*nói không với thịt và sản phẩm động vật hoang dã*”.

6. Tăng cường công tác giám sát và sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm việc tổ chức thực hiện

Xây dựng chương trình và nội dung cụ thể để tiến hành các hoạt động giám sát thường niên của HĐND huyện và HĐND xã về tình hình thực hiện và chấp hành Đề án này.

Hàng năm, UBND các xã, thị trấn; UBND huyện đưa nội dung này vào báo cáo tình hình kinh tế- xã hội tại các kỳ họp thường kỳ để xem xét bổ sung giải pháp thực hiện có hiệu quả.

V. Kinh phí

1. Dự trù kinh phí tối thiểu

Tổng kinh phí tối thiểu: 773.300.000 (Bảy trăm bảy mươi ba triệu, ba trăm ngàn đồng).

Phân kỳ thực hiện như sau:

DVT: triệu đồng

STT	Hạng mục	Tổng cộng	Phân kỳ đầu tư						
			2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030
1	Tuyên truyền và tập huấn	248	55	55	55	25	25	25	8
2	Hỗ trợ kiểm tra, tuần tra rừng	210	30	30	30	30	30	30	30
3	Sơ, tổng kết và khen thưởng	245	35	35	35	35	35	35	35
4	Chi phí quản lý, VPP, khác (10%)	70,3	12	12	12	9	9	9	7,3
CỘNG		773,3	132	132	132	99	99	99	80,3

(chi tiết tại phụ lục kèm theo)

2. Nguồn kinh phí

Kinh phí trên là kinh phí xã hội hóa; hỗ trợ từ các dự án, chương trình đầu tư liên quan đến công tác bảo tồn tài nguyên rừng nói chung và bảo vệ ĐVHD nói riêng trên địa bàn huyện. Huy động nguồn lực của các tổ chức phi chính phủ và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Ngoài kinh phí trên, hàng năm ngân sách huyện bố trí kinh phí cho HĐND huyện để phục vụ cho việc kiểm tra, giám sát đề án qua văn phòng HĐND-UBND huyện.

VI. Hiệu quả của Đề án

1. Hiệu quả kinh tế

Tăng thu nhập của người dân thông qua việc triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia cho công tác bảo vệ rừng, phát triển các mô hình sinh kế, trồng rừng, trồng cây lâm sản ngoài gỗ. Thông qua các lớp đào tạo, chuyển đổi nghề, người dân có việc làm ổn định, tăng thu nhập.

2. Hiệu quả xã hội

Thay đổi nhận thức, tập quán sử dụng thịt thú rừng của người dân và cán bộ trên địa bàn huyện, nhất là các dịp lễ hội, tết, tiệc tùng trong gia đình.

Bảo vệ tốt các loài động vật hoang dã, đa dạng sinh học kết hợp với du lịch sinh thái góp phần giải quyết lao động việc làm trên địa bàn huyện.

Việc không sử dụng thịt thú rừng làm giảm nguy cơ lây truyền nhiễm các bệnh, dịch bệnh liên quan đến ĐVHD.

3. Hiệu quả môi trường

Bảo vệ được các loài động vật rừng, chim hoang dã, nâng cao tính đa

dạng sinh học; bảo tồn nguồn gen các loài động, thực vật. Ngoài ra, thông qua việc bảo vệ và duy trì môi trường sống xung quanh của các loài ĐVHD sẽ giữ và nâng cao chất lượng vốn rừng hiện có trên địa bàn huyện.

PHẦN THỨ TƯ

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hạt Kiểm lâm

Là cơ quan thường trực tham mưu UBND huyện ban hành các kế hoạch hàng năm để tổ chức triển khai thực hiện tốt Đề án này. Định kỳ hàng quý, báo cáo tình hình, kết quả thực hiện về UBND huyện để theo dõi, chỉ đạo.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện Đề án này; kiểm tra, giám sát việc thực hiện đề án, tham mưu UBND huyện giải quyết các vướng mắc liên quan đến việc triển khai thực hiện và đề xuất sửa đổi, bổ sung đề án khi cần thiết. Điều tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ ĐVHD.

2. Công an huyện

Phối hợp với các cơ quan đấu tranh trấn áp tội phạm, kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật có liên quan đến tội vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD. Chỉ đạo Công an các xã, thị trấn chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ ĐVHD.

3. Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn

Xây dựng và hoàn thiện các mô hình phát triển sinh kế, mô hình trồng rừng gỗ lớn, trồng cây lâm sản dưới tán rừng, phát triển các mô hình trang trại, hỗ trợ sinh kế cho bà con sinh sống gần rừng, phụ thuộc vào rừng trên địa bàn huyện.

Phối hợp với Hạt Kiểm lâm và các ban ngành liên quan triển khai các chính sách về khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ bảo vệ rừng tự nhiên.

4. Phòng Tài nguyên và môi trường

Phối hợp với các cơ quan, ban ngành thực hiện Đề án. Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình truyền thông, nâng cao nhận thức về đa dạng sinh học.

5. Phòng Lao động – Thương binh – Xã hội

Phối hợp triển khai thực hiện đề án. Xây dựng kế hoạch, tham mưu UBND huyện trong việc chuyển đổi nghề, đào tạo việc làm cho các đối tượng sản, bắt, bẫy, kinh doanh, buôn bán động vật hoang dã.

6. Phòng Tài chính – Kế hoạch

Căn cứ vào khả năng ngân sách, tham mưu cho UBND huyện bố trí kinh phí để HĐND huyện thực hiện kiểm tra, giám sát Đề án theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hiện hành. Huy động nguồn lực, kinh phí xã hội hóa.

7. Phòng Văn hóa và Thông tin; Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao

Thực hiện công tác truyền thông trên hệ thống phát thanh huyện, kịp thời đưa tin các cá nhân điển hình, tiêu biểu trong công tác bảo vệ động vật hoang dã. Phối hợp với Hạt Kiểm lâm xây dựng các chuyên mục về bảo tồn động vật hoang dã để phát trên hệ thống truyền thanh của huyện huyện.

8. Phòng Tư pháp

Tổ chức theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm trong hoạt động săn bắt, buôn bán, tiêu thụ động vật hoang dã trái pháp luật. Tham mưu UBND huyện xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

9. Các đơn vị chủ rừng (BQL rừng phòng hộ Nam Đông, BQL khu bảo tồn Sao La, Vườn quốc gia Bạch Mã): Phối hợp với Hạt Kiểm lâm, chính quyền địa phương tổ chức tuyên truyền về quản lý, bảo vệ ĐVHD; tổ chức tuần tra, truy quét tháo dỡ bẫy ĐVHD trong lâm phần quản lý.

10. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

Chủ trì triển khai thực hiện Đề án trên địa bàn xã, phối hợp với các ban, ngành tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện.

Chủ động xây dựng kế hoạch tuần tra, truy quét, tháo dỡ bẫy động vật hoang dã trên địa bàn quản lý.

PHẦN THỨ NĂM

KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

Xây dựng Đề án ngăn chặn nạn săn bắt, buôn bán, tiêu thụ động vật hoang dã trái pháp luật trên địa bàn huyện Nam Đông, giai đoạn 2023 – 2030 là rất quan trọng và cần thiết, góp phần vào việc hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện. Để thực hiện thành công Đề án, kính đề nghị Hội đồng nhân dân huyện sớm thông qua Đề án ngăn chặn nạn săn bắt, buôn bán, tiêu thụ động vật hoang dã trái pháp luật trên địa bàn huyện Nam Đông, giai đoạn 2023 – 2030, để có cơ sở triển khai, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện;
- Các ban, ngành, đoàn thể cấp huyện;
- Các đơn vị chủ rừng;
- UBND các xã, thị trấn;
- VP HĐND-UBND: LĐ, CV;
- Các cơ quan TW, tỉnh đóng trên địa bàn;
- Trang TT điện tử Huyện;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Quốc Phụng

Phụ lục: BẢNG CHI TIẾT KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN
(Kèm theo Đề án số 03/ĐA-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Nam Đông)

STT	Nội dung	ĐVT	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Phân kỳ thực hiện						
						2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030
1	Tuyên truyền, tập huấn				248	55	55	55	25	25	25	8
-	Xây dựng bảng khẩu hiệu treo ở nhà sinh hoạt cộng đồng	Cái	1,7	60	102,0	10 bảng x 1,7 triệu đồng/bảng = 17 triệu đồng	10 bảng x 1,7 triệu đồng/bảng = 17 triệu đồng	10 bảng x 1,7 triệu đồng/bảng = 17 triệu đồng	10 bảng x 1,7 triệu đồng/bảng = 17 triệu đồng	10 bảng x 1,7 triệu đồng/bảng = 17 triệu đồng	10 bảng x 1,7 triệu đồng/bảng = 17 triệu đồng	
-	Xây dựng chuyên mục truyền thanh	Chuyên mục (01 Quý/01 chuyên mục)	2,0	28	56,0	4 chuyên mục x 2 triệu đồng/ chuyên mục = 8 triệu đồng	4 chuyên mục x 2 triệu đồng/ chuyên mục = 8 triệu đồng	4 chuyên mục x 2 triệu đồng/ chuyên mục = 8 triệu đồng	4 chuyên mục x 2 triệu đồng/ chuyên mục = 8 triệu đồng	4 chuyên mục x 2 triệu đồng/ chuyên mục = 8 triệu đồng	4 chuyên mục x 2 triệu đồng/ chuyên mục = 8 triệu đồng	4 chuyên mục x 2 triệu đồng/ chuyên mục = 8 triệu đồng
-	Tập huấn cho các tập huấn viên (60 thôn x 4 người = 240 lượt người, chia thành 06 lớp)	Lớp	15,0	6	90,0	2 lớp x 15 tr đồng/lớp = 30 triệu đồng	2 lớp x 15 tr đồng/lớp = 30 triệu đồng	2 lớp x 15 tr đồng/lớp = 30 triệu đồng				
2	Hỗ trợ tuần tra, truy quét tại rừng	Đợt	5,0	42	210	6 đợt x 5 tr đồng/đợt = 30 triệu đồng	6 đợt x 5 tr đồng/đợt = 30 triệu đồng	6 đợt x 5 tr đồng/đợt = 30 triệu đồng	6 đợt x 5 tr đồng/đợt = 30 triệu đồng	6 đợt x 5 tr đồng/đợt = 30 triệu đồng	6 đợt x 5 tr đồng/đợt = 30 triệu đồng	6 đợt x 5 tr đồng/đợt = 30 triệu đồng
3	Sơ, tổng kết và khen thưởng				245	35	35	35	35	35	35	35
-	Sơ, tổng kết	Kỳ	20,0	7	140,0	01 kỳ x 20 tr đồng = 20 tr đồng	01 kỳ x 20 tr đồng = 20 tr đồng	01 kỳ x 20 tr đồng = 20 tr đồng	01 kỳ x 20 tr đồng = 20 tr đồng	01 kỳ x 20 tr đồng = 20 tr đồng	01 kỳ x 20 tr đồng = 20 tr đồng	01 kỳ x 20 tr đồng = 20 tr đồng
-	Khen thưởng				105							

+	Cá nhân	Giấy khen	0,6	70	42,0	10 giấy khen x 600 ngàn đồng = 6 tr đồng	10 giấy khen x 600 ngàn đồng = 6 tr đồng	10 giấy khen x 600 ngàn đồng = 6 tr đồng	10 giấy khen x 600 ngàn đồng = 6 tr đồng	10 giấy khen x 600 ngàn đồng = 6 tr đồng	10 giấy khen x 600 ngàn đồng = 6 tr đồng	10 giấy khen x 600 ngàn đồng = 6 tr đồng
+	Tập thể	Đơn vị	1,8	35	63,0	5 giấy khen x 1,8 tr đồng = 9 tr đồng	5 giấy khen x 1,8 tr đồng = 9 tr đồng	5 giấy khen x 1,8 tr đồng = 9 tr đồng	5 giấy khen x 1,8 tr đồng = 9 tr đồng	5 giấy khen x 1,8 tr đồng = 9 tr đồng	5 giấy khen x 1,8 tr đồng = 9 tr đồng	5 giấy khen x 1,8 tr đồng = 9 tr đồng
4	Chi phí quản lý, VPP, khác (10%)				70,3	12	12	12	9	9	9	7,3
	Tổng cộng				773,3	132	132	132	99	99	99	80,3

